TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số*:* 06/2019/DS-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2019
V/v: "tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Ξ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Phạm Thanh Thủy**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ **Ông Nguyễn Văn Hiển**
2/ **Bà Nguyễn Thị Thanh Bình**
- *Thư ký phiên toà*: Bà **Trần Thị Kim A** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về *"tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 20.3.2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm L, sinh năm 1938 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1939; Cùng trú tại: Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: Bà L Thị O, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 33 Xuân Thiều, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền số chứng thực 103/2018 quyển số 01/2018-SCT/CK,CĐ ngày 26.6.2018). có mặt

- Đồng bị đơn:

+ Bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng. vắng mặt

+ Bà Phạm Thị Ngọc A ,sinh năm 1964; Trú tại: Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng. vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông L Thành C và bà Bùi Minh T; Cùng trú tại: Số 51 THĐ, quận H, TP Đà Nẵng. vắng mặt

+ Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường TP. Đà Nẵng. vắng mặt

Địa chỉ: 24 Hồ Nguyên Trừng, TP. Đà Nẵng.

+Bà Nguyễn Thị B .vắng mặt

Trú tại: Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là bà L Thị O trình bày:**

Ba tôi là Phạm L và mẹ là Đinh Thị N được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 với diện tích đất 1.084m^2 theo thửa đất số 304, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã Hòa Hiệp nay là Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng.

Ngày 12.3.2004 ông L+bà N chuyển nhượng cho ông L Thành C và bà Bùi Minh Thu 246m^2 đất trong đó có 200m^2 đất ở và 46m^2 đất khuôn viên theo Quyết định số 4970/QĐ-UBNDTP ngày 12.3.2004. Ông L Thành C và bà Bùi Minh T được UBND TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 0013157-QSDĐ vào ngày 12.3.2004 với diện tích đất 246m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 46m2 đất khuôn viên theo thử đất số 193, tờ bản đồ số 133a tọa lạc tại phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Ngày 16.12.2003 ông L+bà N được UBND TPĐN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3404010604 với diện tích đất còn lại là 282,2m^2 trong đó diện tích đất không chuyển quyền diện tích đất ở là 71,6m^2; diện tích đất khuôn viên là 210,60m^2 thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng.

Trong quá trình sử dụng đất ông C+bà T đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất đã cấp cho ông C+bà T cho bà Phạm Thị Hồng L là 246m^2, khi nhà nước tiến hành mở rộng kiệt thì bà L đã cam kết cắt 4,10m^2 đất để mở rộng kiệt hẻm theo quy định của nhà nước. Bà L được Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BI 187706 ngày 11.12.2012 đứng tên bà Phạm Thị Hồng L với diện tích đất 241,9m^2 theo thửa đất số 288, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng.

Ngày 16.10.2012 bà L tách thửa tặng cho bà Phạm Thị Ngọc A 100m^2 đất và được Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BI 185305 ngày 15.12.2012 đứng tên bà Phạm Thị Ngọc A với diện tích đất 100m^2 theo thửa đất số 288, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng. Như vậy bà L còn lại 141,9m^2 đất.

Trong quá trình sử dụng bà L và bà A đã lấn chiếm của ông L+bà N khoảng 37,2m^2, trong đó bà A lấn khoảng 9m^2, bà L lấn 28,2m^2 do vậy ông L+bà N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc A phải trả lại khoảng 9m^2, bà Phạm Thị Hồng L phải trả lại khoảng 28,2m^2 đất

Sau khi hội đồng tiến hành đo đạc diện tích đất thực tế của bà L+bà A so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thừa 32,7 m^2. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc bà A phải trả lại diện tích đã lấn chiếm là 9,3 m^2, bà L phải trả lại diện tích đất bị lấn chiếm là 23,4 m^2.

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L và Phạm Thị Ngọc A; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L Thành C và bà Bùi Minh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của

mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 22/12/2018, TAND quận Liên Chiểu và Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng tổ chức việc trích đo địa chính diện tích đối với thửa đất của ông Phạm L và bà Đinh Thị N, thửa đất của bà Phạm Thị Hồng L và thửa đất của bà Phạm Thị Ngọc A xác định được như sau:

Diện tích thửa đất của bà Phạm Thị Ngọc A được cấp theo giấy CNQSDĐ là 100,0m^2 nhưng thực tế bà A đang sử dụng là 100,8m^2. Phần đất bà A sử dụng vượt quá so với giấy CNQSDĐ là phần đất nằm trong phần đất của ông L, bà N theo hướng đông có chiều dài đoạn giáp với phần đất ông L, bà N đang sử dụng là 1,44m và đoạn giáp với phần đất bà L đang sử dụng là 2.35m. Phần đất vượt quá được xác định là 9.3m^2.

Diện tích thửa đất của bà Phạm Thị Hồng L được cấp theo giấy CNQSDĐ là 141,90m^2 nhưng thực tế bà L đang sử dụng là 163,2m^2. Phần đất bà L sử dụng vượt quá so với giấy CNQSDĐ là phần đất nằm trong phần đất của ông L, bà N theo hướng đông có chiều dài đoạn giáp với phần đất bà A đang sử dụng là 2,35m và đoạn giáp với phần đất bà Bé đang sử dụng là 3.60m. Phần đất vượt quá được xác định là 23,4m^2 .

Như vậy, bà A và Bà L đã sử dụng không đúng phần diện tích được cấp trong giấy CNQSDĐ và sử dụng vượt quá sang phần đất của ông L bà N diện tích 9,3m2 (Đối với bà A) và 23,4m2 (Đối với bà L).

Do đó, căn cứ các Điều 175,176 BLDS việc ông L bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L và bà A trả lại phần đất đã lấn chiếm như nói trên là có căn cứ. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm L và bà Đinh Thị N. Buộc bà Phạm Thị Hồng L và bà Phạm Thị Ngọc A trả lại phần diện tích đất đã sử dụng vượt quá tại phía đông nam của thửa đất so với giấy CNQSDĐ cho ông L, bà N.

Trong vụ án này, phần đất của bà A, bà L và bà Bé có một số đoạn bị sử dụng chồng lấn với nhau, không đúng theo giấy CNQSDĐ nhưng cả bà A, bà L và bà Bé không có ý kiến, không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng****:* Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phạm L+bà Đinh Thị N với bà Phạm Thị Hồng L+bà Phạm Thị

Ngọc A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu khởi kiện của ông Phạm L+bà Đinh Thị N với bà Phạm Thị Hồng L+bà Phạm Thị Ngọc A thì thấy:

- Năm 1996 ông Phạm L và bà Đinh Thị N được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích 1,084m^2 theo thửa số 304, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã Hòa Hiệp, Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

- Ngày 10.12.2003 ông Phạm L và bà Đinh Thị N được UBND TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 3404010604 với diện tích 649,7 m^2 theo thửa số 133, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại tổ 17, phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

- Ngày 12.3.2004 ông L+bà N chuyển nhượng cho ông L Thành C+bà Bùi Minh T 246m^2 đất trong đó có 200m^2 đất ở và 46m^2 đất khuôn viên theo Quyết định số 4970/QĐ-UBNDTP ngày 12.3.2004. Ông L Thành C và bà Bùi Minh T được UBND TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 0013157-QSDĐ vào ngày 12.3.2004 với diện tích đất 246m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 46m^2 đất khuôn viên theo thử đất số 193, tờ bản đồ số 133a tọa lạc tại phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

-Ngày 16.12.2003 ông L +bà N được UBND TPĐN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3404010604 với diện tích đất còn lại là 282,2m^2 trong đó diện tích đất không chuyển quyền diện tích đất ở là 71,6m^2; diện tích đất khuôn viên là 210,60m^2 thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng.

- Quá trình sử dụng ông C+bà T chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 246m^2 cho bà Phạm Thị Hồng L, khi nhà nước tiến hành mở rộng kiệt thì bà L đã cam kết cắt 4,10m^2 đất để mở rộng kiệt hẻm theo quy định của nhà nước. Bà L được Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BI 187706 ngày 11.12.2012 đứng tên bà Phạm Thị Hồng L với diện tích đất 241,9m^2 theo thửa đất số 288, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng.

- Ngày 16.10.2012 bà L tách thửa tặng cho bà Phạm Thị Ngọc A 100m^2 đất và được Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BI 185305 ngày 15.12.2012 đứng tên bà Phạm Thị Ngọc A với diện tích đất 100m^2 theo thửa đất số

288, tờ bản đồ số 193 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng. Như vậy bà L còn lại 141,9m^2 đất. (có sơ đồ cụ thể hai hộ bà L và bà A kèm theo)

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết và tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không tham gia các phiên công khai chứng cứ cũng như phiên hòa giải. Do vậy, ngày 11.10.2018 Tòa án ND quận Liên Chiểu đã ra thông báo số 02/2018/TB-TA trên phương tiện thông tin đại chúng với nội dung: " *quá thời thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên mà bà Phạm Thị Hồng L và Phạm Thị Ngọc A không có mặt tại Tòa án ND quận Liên Chiểu thì vụ án sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật*"

Để có cơ sở giải quyết vụ kiện, ngày 20.12.2018 Tòa án tiến hành trưng cầu trung tâm đo đạc bản đồ thành phố Đà Nẵng và xem xét thẩm định tại chổ và thành lập Hội đồng định giá để xác định vị trí, diện tích đất tranh chấp thì thấy:

1.Diện tích của hộ ông L+bà N hiện thực tế đang sở hữu, sử dụng theo đo đạc có diện tích là 245,2m^2, so với diện tích đất được cấp là 282,2m^2, thiếu 37m^2.

2.Diện tích đất cấp cho bà A có diện tích là 100m^2 có tứ cận cụ thể:

-Cạnh hướng Đông giáp hộ bà L có chiều dài đo đạc thực tế là 23,45m, so với chiều dài đất được cấp là 21,10m, thừa 2,35m.

-Cạnh hướng Tây giáp hộ L+N có chiều dài đo đạc thực tế là 21,44m, so với chiều dài đất được cấp là 20m, thừa 1,44m.

-Cạnh hướng Nam giáp hộ L+N có chiều dài đo đạc thực tế là 5,12m, so với chiều dài đất được cấp là 5m, thừa 0,12m.

-Cạnh hướng Bắc giáp đường kiệt có chiều dài đo đạc thực tế là 4,74m, so với chiều dài đất được cấp là 4,82m, thiếu 0,08m.

Đối với chiều dài hai cạnh đo thực tế so với chiều dài được cấp của hộ bà A đều thừa: cụ thể cạnh hướng Tây giáp hộ ông Liêu+Nữ thừa 1,44m; cạnh hướng Đông giáp hộ bà L thừa 2,35m. Điều đó chứng tỏ bà A đã lấn sang phần đất của ông L+bà N có diện tích theo đo đạc là 9, 3m^2.

3.Diện tích đất cấp cho bà L có diện tích là 141,9m^2 có tứ cận cụ thể:

-Cạnh hướng Đông giáp hộ bà Bé có chiều dài đo đạc thực tế (theo hướng thẳng tính từ mốc giáp đường kiệt có chiều ngang 5m kéo thẳng xuống điểm cuối có chiều ngang 5m, tức là không kể diện tích đất mà bà L chuyển đổi mục đích là 41,9m^2)là 25,47m, so với chiều dài đất được cấp là 22,29m, thừa 3,18m.

-Cạnh hướng Tây giáp hộ bà A có chiều dài đo đạc thực tế là 23,45m, so với chiều dài đất được cấp là 21,10m, thừa 2,35m.

-Cạnh hướng Nam giáp hộ L+N (đất đang tranh chấp) có chiều dài đo đạc thực tế là 8,21m, so với chiều dài đất được cấp là 8,03m, thừa 0,18m.

-Cạnh hướng Bắc giáp đường kiệt có chiều dài đo đạc thực tế là 5,95m, so với chiều dài đất được cấp là 5,35m, thiếu 0,6m.

Đối với chiều dài hai cạnh đo thực tế so với chiều dài được cấp của hộ bà L đều thừa: cụ thể cạnh hướng Tây giáp hộ bà A thừa 2,35m; cạnh hướng Đông giáp hộ bà Bé thừa 3,18m. Điều đó chứng tỏ bà L đã lấn sang phần đất của ông L+bà N có diện tích theo đo đạc là 2,34m^2.

Trên phần đất của bà A có 01 cây mãng cầu; 01 cây chuối lớn và 01 cây chuối nhỏ, trên phần đất của bà L có 01 cây mít, 01 cây bơ, 01 cây xoài, 01 cây chanh

Theo Chứng thư thẩm định giá thì đất có giá trị 3.795.690 đồng/1 m2; 01 cây mãng cầu+01 chuối lớn+01 chuối nhỏ trên phần đất bà A có giá trị:184.000 đồng; 01 cây mít+01 cây bơ+01 cây xoài+01 chanh trên phần đất bà L có giá trị là 1.177.000 đồng. Do vậy, cần buộc ông Phạm L +bà Đinh Thị N phải trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc A giá trị cây là 184.000 đồng, bà Phạm Thị Hồng L số tiền giá trị cây là 1.177.000 đồng

Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm L và bà Đinh Thị N.

-Buộc bà Phạm Thị Ngọc A phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 9,3m^2 có tứ cận như sau: Đông giáp đất tranh chấp có chiều dài 2,34m; Tây giáp hộ L+N có chiều dài là 1,44m; Nam giáp hộ L+ N có chiều dài 5,12 m; Bắc giáp hộ bà A có chiều dài 5m. Giá trị diện tích đất lấn chiếm là 9,3m2 x 3.795.690 đồng = 35.299.917 đồng.(có sơ đồ kèm theo)

-Buộc bà Phạm Thị Hồng L phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 23,4m^2 có tứ cận như sau: Đông giáp hộ bà Bé có chiều dài 3,60m; Tây giáp đất tranh chấp có chiều dài là 2,35m; Nam giáp hộ L+N có chiều dài 8,15 m; Bắc giáp hộ bà L có chiều dài 8,03m. Giá trị diện tích đất lấn chiếm là 23,4m2 x 3.795.690 đồng = 88.819.146 đồng (có sơ đồ kèm theo).

Ông Phạm L+bà Đinh Thị N phải trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền giá trị cây là 184.000 đồng, bà Phạm Thị Hồng L số tiền giá trị cây là 1.177.000 đồng.

Về tiền chi phí trưng cầu giám định là 8.954.000 đồng ; chi phí thẩm định là 2.000.000 đồng và định giá là 3.500.000 đồng đại diện nguyên đơn tự nguyện chi trả (đã chi trả xong).

Trong quá trình trưng cầu giám định, tại sơ đồ đo đạc thực tế thì thấy diện tích đất cấp cho bà L có lấn sang diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị B, quá trình làm việc bà Bé không có yêu cầu đề nghị gì đối với diện tích bị lấn chiếm nên HĐXX không xét. Nếu sau này tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Căn cứ Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn bà A phải chịu 1.765.000 đồng, bà L phải chịu 4.441.000 đồng án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 175,176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 202 Luật Đất Đai, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm L và bà Đinh Thị N đối với bà Phạm Thị Ngọc A và Phạm Thị Hồng L.

1. Tuyên xử:

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 9,3m^2 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng có tứ cận như sau: Đông giáp đất

tranh chấp có chiều dài 2,34m; Tây giáp hộ L+N có chiều dài là 1,44m; Nam giáp hộ Liêu Nữ có chiều dài 5,12 m; Bắc giáp hộ bà A có chiều dài 5m.(có sơ đồ kèm theo)

- Buộc bà Phạm Thị Hồng L có nghĩa vụ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 23,4m^2 tọa lạc tại Tổ 33, phường HHN, quận L, TP Đà Nẵng có tứ cận như sau: Đông giáp hộ bà Bé có chiều dài 3,60m; Tây giáp đất tranh chấp có chiều dài là 2,35m; Nam giáp hộ L+N có chiều dài 8,15 m; Bắc giáp hộ bà L có chiều dài 8,03m. (có sơ đồ kèm theo).

Ông Phạm L+bà Đinh Thị N phải trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền giá trị cây là 184.000 đồng (*một trăm tám mươi tư ngàn đồng*), bà Phạm Thị Hồng L số tiền giá trị cây là 1.177.000 đồng (*một triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng y*).

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 1.765.000 đồng (*một triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*), bà Phạm Thị Hồng L phải chịu 4.441.000 đồng (*bốn triệu, bốn trăm bốn mươi mốt ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm L+bà Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 930.000 đồng (*chín trăm ba mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí DS-ST đã nộp theo biên lai thu số 0003018 ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Ông L+bà N được trả lại 630.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chị khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Quận Liên Chiểu;
-VKS TP, TA TP
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.